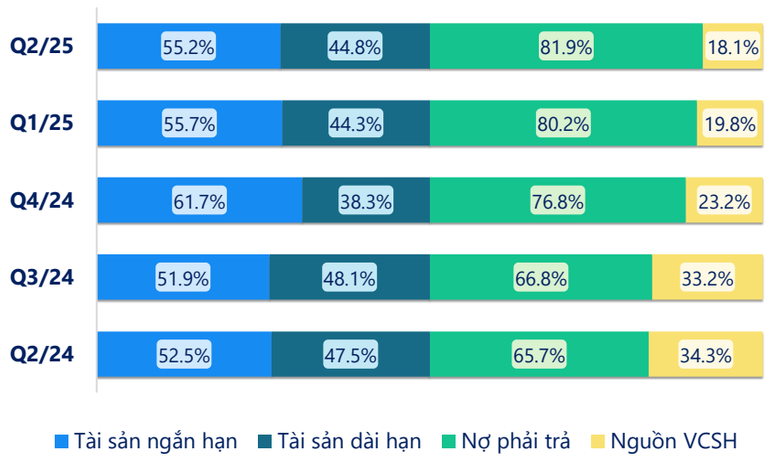
FireAnt

CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,040
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,040
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,600
SL cổ phiếu LH	255,615,849
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,230,545
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	777
P/E	-1.6
EPS	-1,854

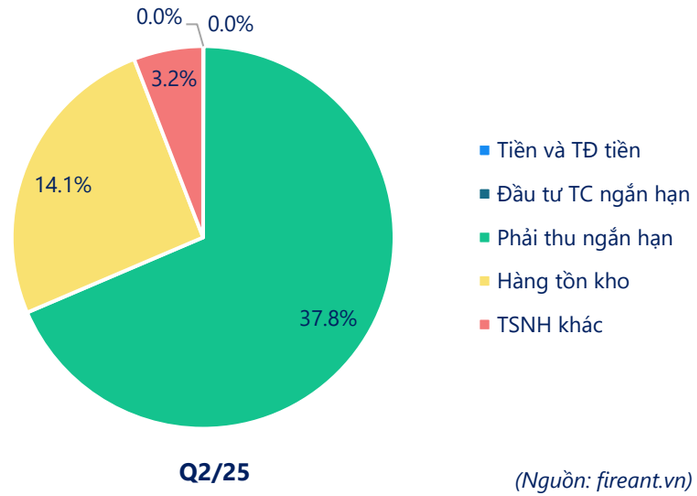
	YTD	1T	3T	6T
LDG	59.2%	32.2%	50.5%	60.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



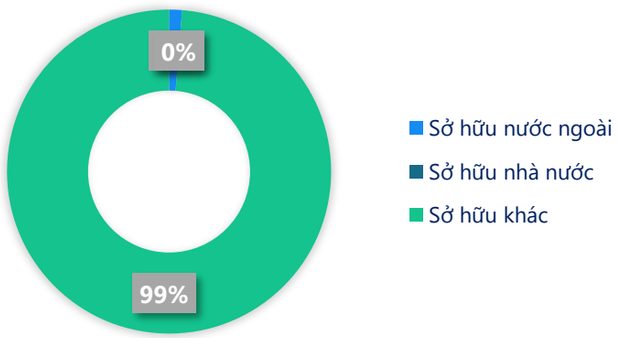
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



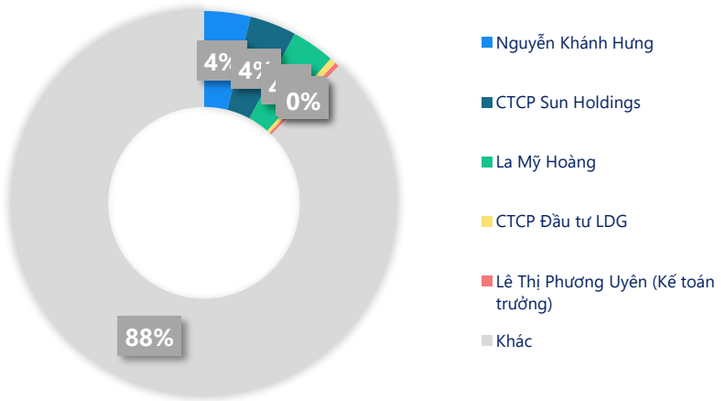
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



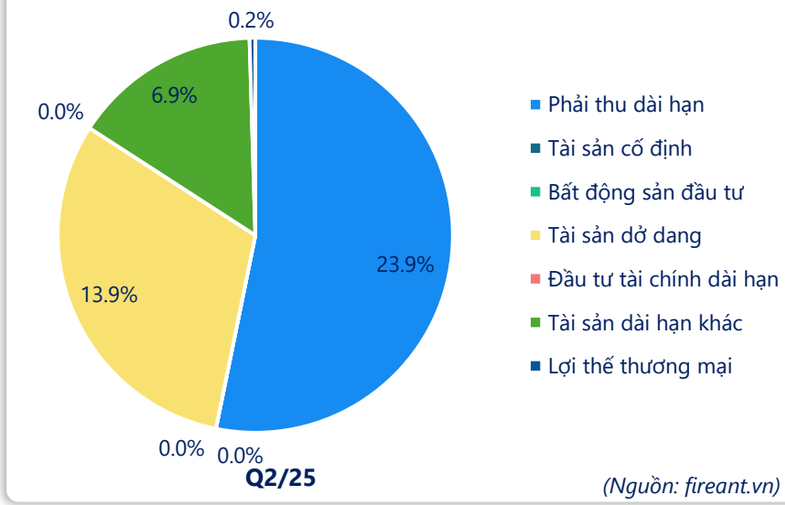
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

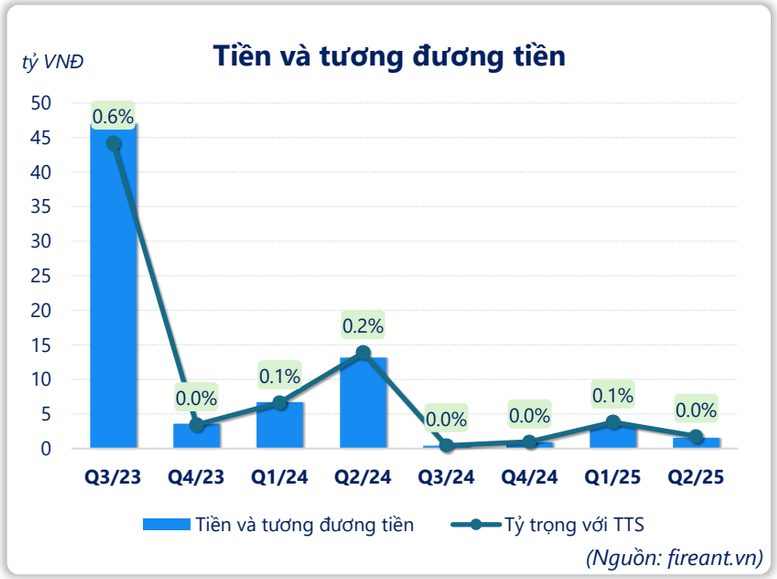
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



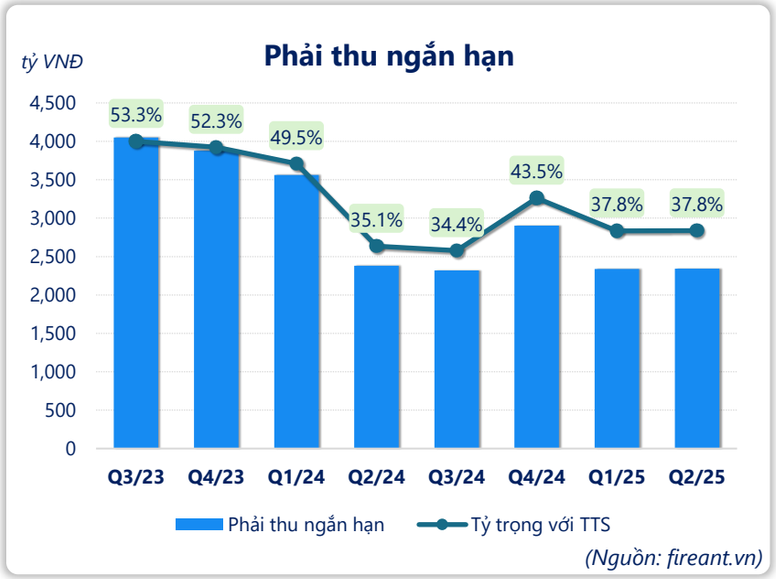
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

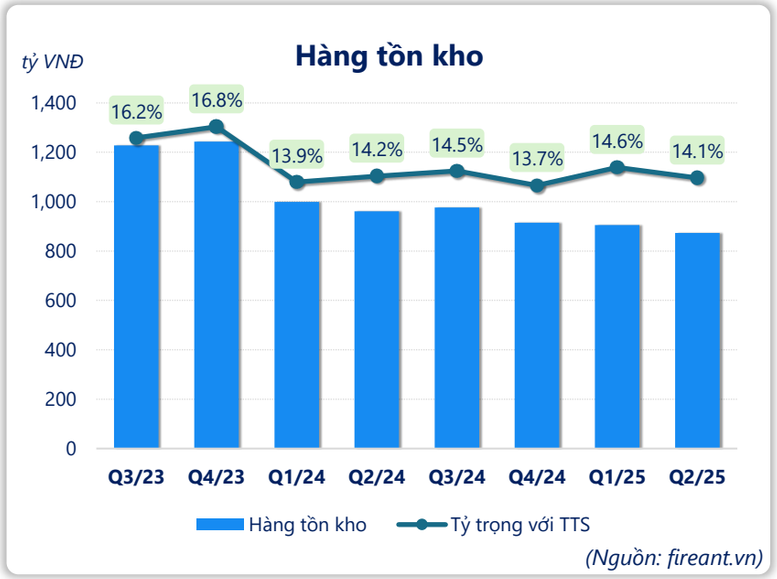
CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)



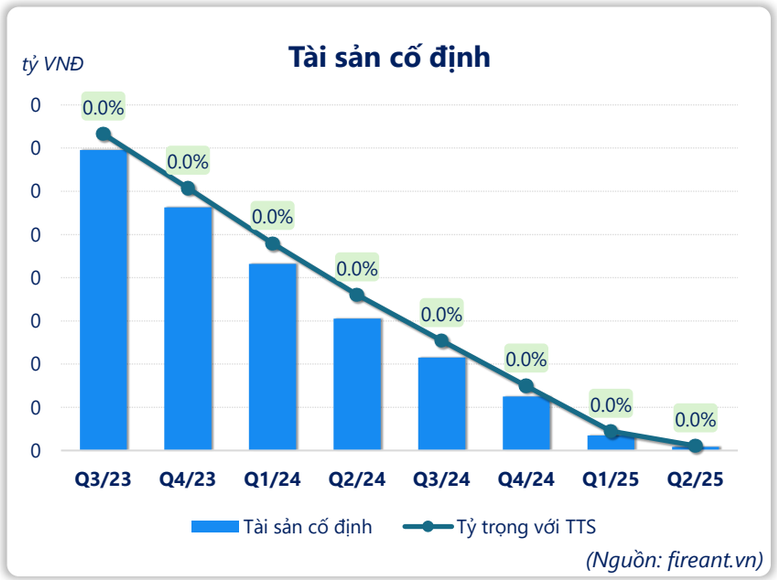
(Nguồn: fireant.vn)



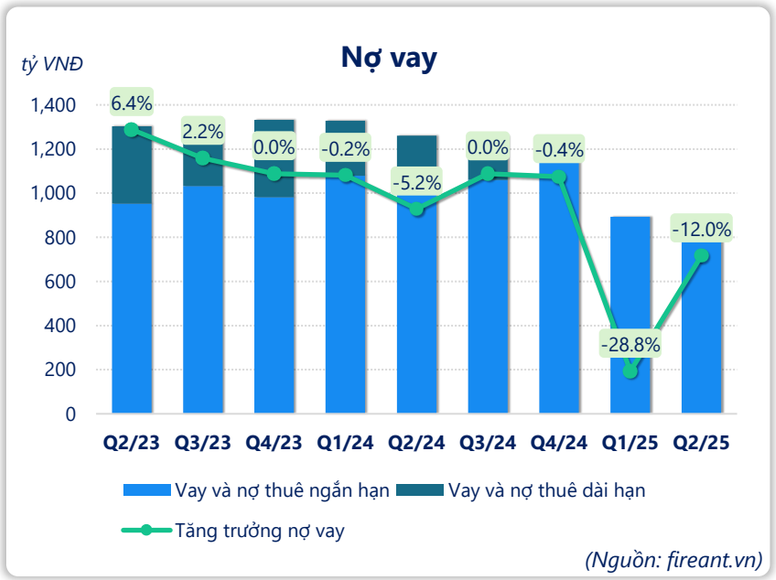
(Nguồn: fireant.vn)



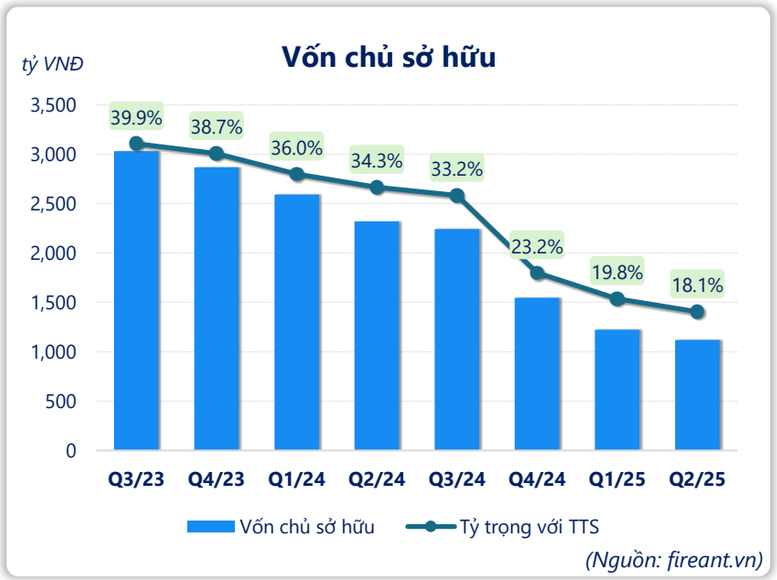
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

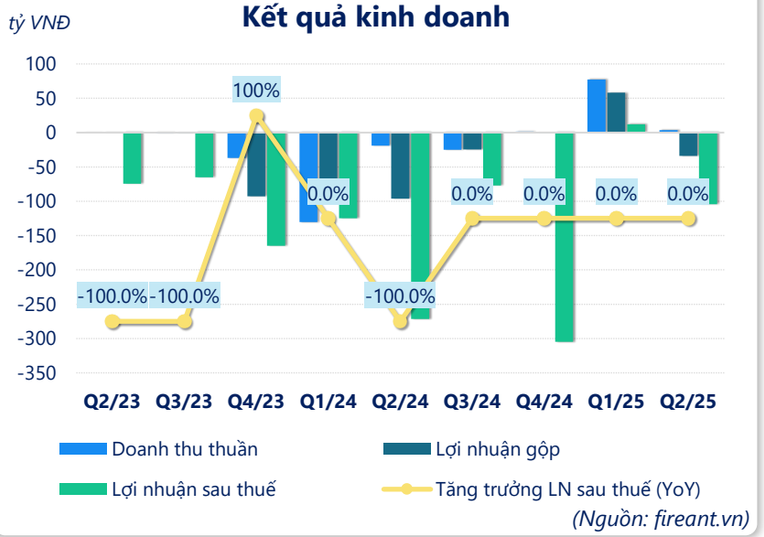


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

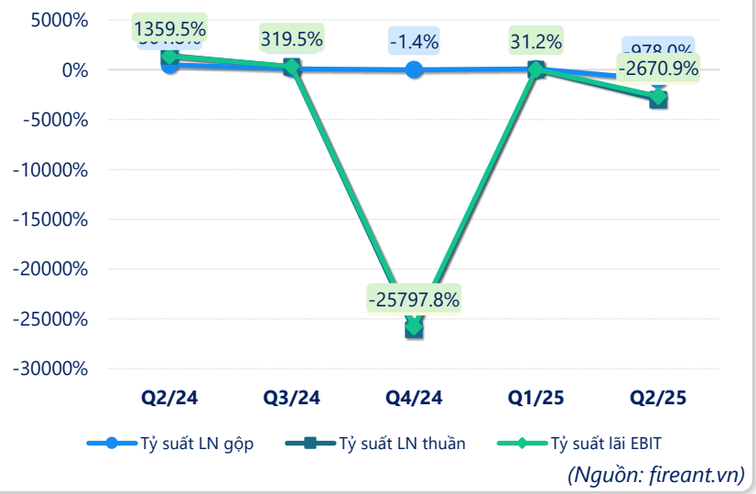
CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)

Kết quả kinh doanh



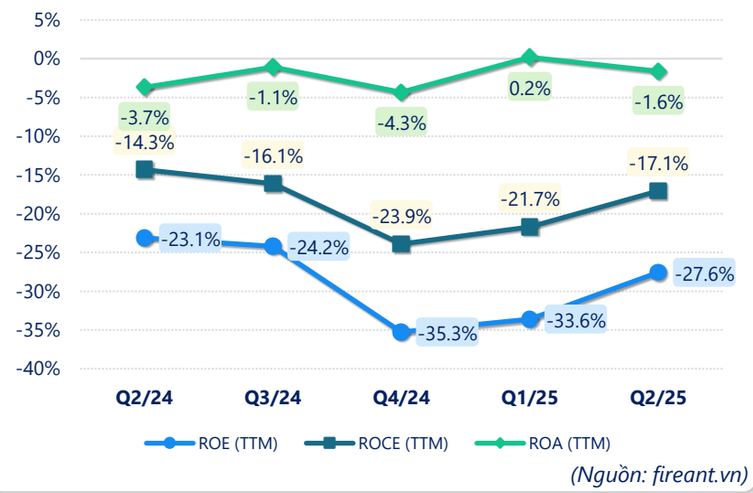
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



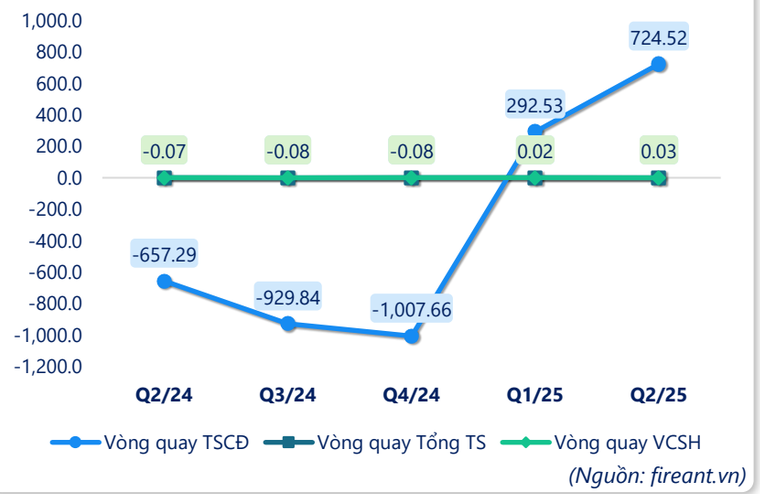
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



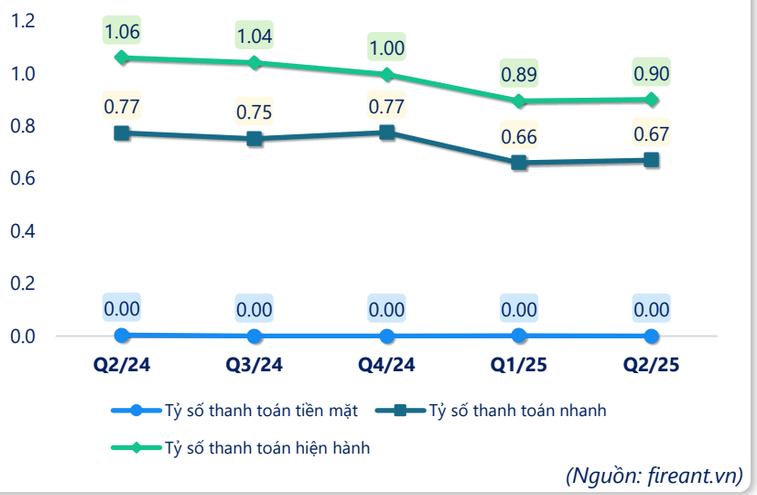
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



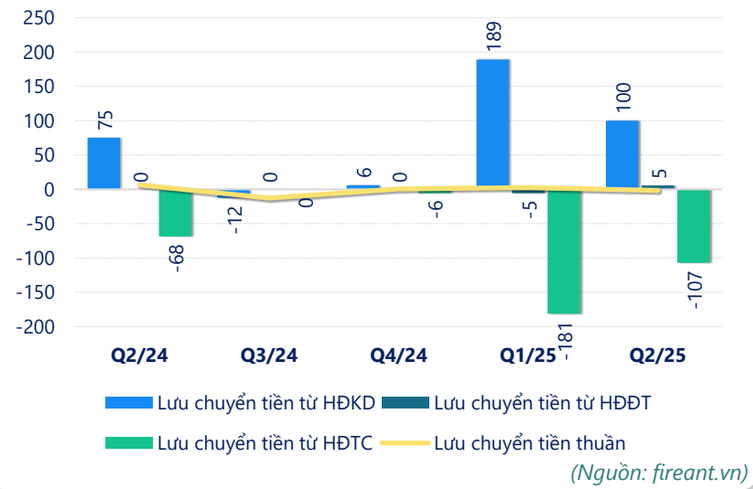
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,194**	**6,157**	**0.6%**
Tài sản ngắn hạn	3,417	3,413	0.1%
Tiền và tương đương tiền	1.55	0.92	69.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2,342	2,298	1.9%
Hàng tồn kho	873	908	-3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	201	206	-2.6%
Tài sản dài hạn	**2,777**	**2,744**	**1.2%**
Phải thu dài hạn	1,477	1,501	-1.6%
Tài sản cố định	0.00	0.06	-93.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	859	815	5.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**427**	**411**	**4.0%**
Lợi thế thương mại	13.0	17.1	-23.7%
Nợ phải trả	5,076	4,946	2.6%
Nợ ngắn hạn	**3,798**	**3,954**	**-4.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	786	1,024	-23.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	178	185	-4.2%
Nợ dài hạn	1,278	992	28.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	50.0	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,119**	**1,211**	**-7.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,119**	**1,211**	**-7.6%**
Vốn điều lệ	2,570	2,570	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	-19.2	-25.2	1.34	77.2	3.48
Giá vốn hàng bán	77.2	-0.39	1.36	19.2	37.5
Lợi nhuận gộp	-96.4	-24.8	-0.02	58.0	-34.0
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	42.1	41.1	38.6	36.0	14.6
Chi phí lãi vay	14.1	-1.41	13.9	11.8	11.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	8.18	1.33	2.44	1.21	1.55
Chi phí QLDN	127	7.65	309	7.63	53.6
LN thuần từ HĐKD	-274	-74.9	-351	13.2	-104
Lợi nhuận khác	-1.81	-4.14	-9.53	-0.88	-0.77
LN trước thuế	-275	-79.1	-360	12.3	-105
Lợi nhuận sau thuế	-271	-77.1	-305	12.3	-105
LNST của CĐ cty mẹ	-271	-77.1	-305	12.3	-105

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	74.9	-12.3	6.04	189	99.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.01	0.00	-5.43	5.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-68.4	-0.40	-5.54	-181	-107
Tiền đầu kỳ	6.70	13.1	0.41	0.92	3.33
Lưu chuyển tiền thuần	**6.44**	**-12.7**	**0.51**	**2.41**	**-1.77**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.1	0.41	0.92	3.33	1.55

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic